

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi
ly hôn giữa bà Ty và ông Chinh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Chành T, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1991 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 095191006805, cấp ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Địa chỉ: Số nhà D, ấp C, xã A, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số nhà D, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1987 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 080087013882.

Địa chỉ: Số nhà D, ấp C, xã A, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Số nhà D, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2026 và quá trình tố tụng, bà Trương Thị Chành T là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà

Mau), thời gian đầu chung sống hạnh phúc năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông C không chung thủy, quen biết với người phụ nữ khác. Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Văn C có hai người con chung tên là Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Trương Thế D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012. Bà T yêu cầu ông C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên nêu trên. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, bà T xác định: Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tường trình ngày 14 tháng 4 năm 2026, ông Nguyễn Văn C xác định: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Chành T. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông yêu cầu ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung có tên nêu trên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, ông C xác định về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 02 năm 2026, người con chung có tên Nguyễn Trương Trà M xác định: Khi cha mẹ cháu là bà Trương Thị Chành T và ông Nguyễn Văn C ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Nguyễn Văn C.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 02 năm 2026, người con chung có tên Nguyễn Trương Thế D xác định: Khi cha mẹ cháu là bà Trương Thị Chành T và ông Nguyễn Văn C ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Nguyễn Văn C.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Trương Thị Chành T và nơi cư trú của ông Nguyễn Văn C, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn C đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do. Bà Trương Thị

Chánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Trương Thị Chánh T, ông Nguyễn Văn C.

[3] Bà Trương Thị Chánh T và ông Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Trương Thị Chánh T và ông Nguyễn Văn C nhưng ông C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Việc ông C vắng mặt thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Mặt khác, ông C cho rằng ông không muốn ly hôn với bà T nhưng ông C không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Bà T xác định bà không còn tình cảm vợ chồng với ông C nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Trương Thị Chánh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà Trương Thị Chánh T và ông Nguyễn Văn C có hai người con chung tên là Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Trương Thế D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012. Bà T yêu cầu giao cho ông C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của người con chung có tên Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Trương Thế D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012, hiện ông C đang nuôi dưỡng đã ổn định tâm lý và tình cảm. Ông C cũng đồng ý nuôi dưỡng hai người con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao cho ông C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung. Giao cho Nguyễn Văn C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Trương Thế D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bà Trương Thị Chánh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án. Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông C có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về nợ chung và tài sản chung: Bà Trương Thị Chánh T và ông Nguyễn Văn C cùng xác định: Có tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Trương Thị Chành T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Chành T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Chành T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Văn C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Trương Thế D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012, hiện đang sống cùng với ông C.

Bà Trương Thị Chành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Nguyễn Trương Trà M, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Trương Thế D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2012, ông C cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông C có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Trương Thị Chành T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003960 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh được trừ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Chành T, ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- THA tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Diệp Song Tiền

